



MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI

GS.TSKH. ĐÀO TRỌNG THỊ
Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên,
Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định cần đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam (GDVN), đồng thời xác định đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao kết hợp với phát triển khoa học - công nghệ là một trong ba khâu đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 cùng với hoàn chỉnh thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Việc thực hiện nhiệm vụ trọng đại nói trên cần xuất phát từ việc xác lập triết lý giáo dục với tư cách là nền tảng tư tưởng chỉ đạo quá trình đổi mới giáo dục nước nhà trong thời kì đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong bài viết này, chúng tôi không thảo luận về khái niệm triết lý giáo dục là gì, cũng không đề cập một cách toàn diện, đầy đủ về những nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Việt Nam hiện đại mà chỉ trao đổi ý kiến sơ bộ về một số quan điểm mang tầm triết lý về GDVN trong thời kì đổi mới.

1. Dân chủ và công bằng là những đặc trưng quan trọng của chủ nghĩa xã hội, bởi vậy cần phải được coi là những nguyên tắc chủ chốt của GDVN, cần được tuân thủ nghiêm túc trong việc ban hành chủ trương, chính sách về giáo dục cũng như trong tổ chức, quản lí hoạt động giáo dục và tinh thần dân chủ, công bằng cần được phản ánh trong nội dung, phương pháp giáo dục.

GDVN là nền giáo dục nhân dân, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tạo môi trường trao đổi, thảo luận thẳng thắn, không mang tính áp đặt, nhất là đối với những vấn đề liên quan đến sự quan tâm và lợi ích chung của xã hội, cộng đồng, tập thể.

Dân chủ nhà trường dựa trên nguyên tắc công khai, minh bạch, đảm bảo cung cấp thông tin về chính sách và hoạt động của nhà trường một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời cho người học và xã hội, tạo điều kiện để nhân dân kiểm tra và thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với nhà trường.

Khác với dân chủ tư bản tạo động lực phát triển xã hội, bao gồm cả nhà trường, thông qua đấu tranh giữa các lực lượng chính trị và các nhóm lợi ích đối lập, dân chủ xã hội chủ nghĩa tập trung phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và hiệu quả của cơ chế kiểm soát quyền

lực bằng các hình thức phản ánh, tranh luận, kiểm tra, giám sát của xã hội đối với nhà trường cũng như giữa các thành phần trong hệ thống các cơ quan nhà nước và trong hệ thống chính trị theo chức năng được phân công theo quy định của pháp luật.

Công bằng là tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Công bằng trong giáo dục có nghĩa là công bằng trong thụ hưởng phúc lợi xã hội về giáo dục cơ bản, phổ biến cũng như công bằng về cơ hội học tập và phát triển năng lực phù hợp với nguyện vọng và khả năng của từng cá nhân.

Hiện nay, cơ chế kinh tế thị trường đang từng bước được định hình và sự hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng với sự phân biệt rõ nét về thu nhập và mức sống giữa các bộ phận dân cư dẫn đến nhu cầu sử dụng nhân lực và nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng cao và đa dạng. Bởi vậy, ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục không thể phân phối theo kiểu bình quân, cào bằng như trước kia mà phải tập trung ưu tiên cho các cấp giáo dục phổ cập và giáo dục đại trà, cho đào tạo nhân tài và các ngành học theo nhu cầu của nhà nước (sư phạm, văn hóa truyền thống, khoa học cơ bản...), cho giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa cũng như hỗ trợ các đối tượng chính sách, gia đình nghèo (through qua học bổng, trợ cấp hoặc tín dụng sinh viên...). Mặt khác, cần phát triển các dịch vụ giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội (về môi trường, điều kiện học tập, về ngành nghề, về chất lượng giáo dục...) theo tinh thần tự nguyện và phù hợp với khả năng chi trả chi phí của người học.

2. Nhân văn, khoa học, hiện đại, dân tộc và đại chúng là những tính chất cơ bản của một nền giáo dục tiên tiến, không những phải được thẩm nhuần trong chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục mà còn phải được quán triệt trong tổ chức và hoạt động giáo dục.

GDVN phải hướng tới mục tiêu vì con người, tạo mọi điều kiện cho con người tự do phát triển nhân cách phù hợp với sở thích và năng lực của từng cá nhân. Bước vào nền kinh tế tri thức, nhu cầu học tập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp ngày càng cao, tạo nên xu thế đại chúng hóa giáo dục, kể cả giáo dục đại học và nghề nghiệp.



GDVN cần đẩy mạnh hội nhập quốc tế để sớm vươn lên ngang tầm các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

GDVN một mặt phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống văn hiến hàng ngàn năm và tinh thần hiếu học của dân tộc, mặt khác tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

3. Những tư tưởng sâu sắc về vấn đề học gì, học thế nào, học để làm gì được đúc kết trong lịch sử giáo dục của dân tộc Việt Nam cần trở thành những nguyên lý chủ đạo của GDVN hiện đại.

Trả lời cho câu hỏi “*hoc gi*”, ông cha ta đã nói “*dạy làm người trước khi dạy chữ*”, đồng nghĩa với giáo lí của Đạo Khổng: “*Tiên học lễ, hậu học văn*” để giải quyết mối quan hệ giữa giáo dục năng lực học thuật với giáo dục phẩm chất đạo đức.

Triết lí “*hoc đi đôi với hành*” để cập đến cả ba vấn đề nêu trên. Đối với câu hỏi “*hoc gi*” triết lí này giải đáp mối quan hệ giữa lí thuyết và ứng dụng, thực hành, giữa kiến thức và kĩ năng. Triết lí này cũng góp phần giải đáp vấn đề “*hoc thế nào*”: để tiếp thu, làm chủ kiến thức thì phải thực hành, phải liên hệ với thực tiễn, phải vận dụng kiến thức trong thực tiễn, phải tự học, trau dồi, tìm hiểu kiến thức. Cuối cùng, đối với câu hỏi “*hoc để làm gì*” triết lí này khẳng định học để thực hiện những điều đã học trong cuộc sống.

Đối với câu hỏi “*hoc để làm gi*” ông cha ta cũng có câu trả lời xác đáng : “*hoc để giúp nước, giúp đời*” nhằm phản bác lại tư tưởng tư lợi “*vinh thân phì gia*”: học để làm quan, để hưởng vinh hoa phú quý.

Những điều diễn giải trên đây có thể phát biểu bằng ngôn ngữ của giáo dục hiện đại như sau: Mục tiêu của giáo dục là đào tạo nhân lực, nhân tài phục vụ phát triển đất nước; chương trình, nội dung giáo dục phải toàn diện, chú trọng cả đào tạo kiến thức, kĩ năng và giáo dục phẩm chất đạo đức, cân đối giữa lí thuyết và thực hành; phương pháp giáo dục phải chú trọng thực hành, tự học.

4. Các tư tưởng giáo dục truyền thống cần được phát triển, nâng cao và bổ sung thêm những nội dung mới để đáp ứng yêu cầu của nền GDVN trong thời kì đổi mới.

Tư duy độc lập, sáng tạo là phẩm chất rất quan trọng đối với nhân lực trình độ cao trong thế giới hiện đại. Năng lực tư duy độc lập, sáng tạo có thể rèn luyện thông qua hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học. Về vấn đề này chúng tôi có một số ý kiến như sau:

- Những năm gần đây, giáo dục đại học nước ta đẩy mạnh đào tạo theo tín chỉ, nhưng chủ yếu tập trung vào cơ chế tích lũy tín chỉ mà không hoặc ít đề cập đến nội dung và phương pháp dạy học khôi kiến thức của từng tín chỉ. Hình thức tổ chức đào tạo mới này nếu được áp dụng triệt để có thể

tạo cơ hội thuận lợi cho sinh viên thiết kế kế hoạch học tập riêng phù hợp với năng lực và điều kiện của từng cá nhân nhưng đòi hỏi tăng cường nhiều về cơ sở vật chất và lực lượng giảng viên. Trong đó, sinh viên hệ chính quy chủ yếu học tập trung, có ít kế hoạch học tập riêng. Một yếu tố quan trọng của đào tạo theo tín chỉ là giảm thời lượng lớp và tăng thời lượng tự học, dẫn đến đổi mới chương trình, nội dung đào tạo và phương pháp dạy học. Trong năm năm qua, Đại học Quốc gia Hà Nội đã triển khai đào tạo theo tín chỉ nhưng xuất phát từ việc đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo theo hướng tăng cường tư học. Chúng tôi cho rằng bước đi như vậy là phù hợp với yêu cầu và điều kiện của giáo dục đại học nước ta.

- Nghiên cứu khoa học là một yêu cầu quan trọng trong đào tạo đại học, nhất là đào tạo chất lượng cao. Nhiều trường đại học quan tâm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, nhưng một bộ phận cán bộ quản lí, giảng dạy và dư luận xã hội còn ngộ nhận về mục đích của hoạt động này là tạo ra sản phẩm khoa học thực thụ (mặc dù giá trị khoa học, thực tiễn là một yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học sinh viên) mà chưa nhận thức được rằng đây là một nội dung, một khâu quan trọng trong quy trình đào tạo nhằm rèn luyện cho sinh viên năng lực và phương pháp độc lập nghiên cứu, sáng tạo, bởi vậy nói chung chưa thể coi là nghiên cứu khoa học thực sự theo đúng nghĩa của nó.

Trong mấy năm gần đây, ngành Giáo dục tăng cường thực hiện chủ trương “*đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội*”, tập trung vào điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và chương trình, nội dung đào tạo cho phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động, đồng thời khuyến khích, thúc đẩy sự hợp tác, liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đây là một chủ trương đúng đắn, việc xác định cơ cấu ngành nghề và chương trình, nội dung đào tạo phù hợp với yêu cầu của các cơ sở sử dụng nhân lực là rất cần thiết, góp phần quan trọng để cải thiện chất lượng đào tạo, nhưng thực chất chỉ là một giải pháp ở tầm nhà trường và chưa tiệm cận được bản chất của quan điểm “*đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội*”. Dưới đây, chúng tôi xin nêu một số vấn đề mang tính vĩ mô hơn cần quan tâm thêm khi triển khai thực hiện quan điểm này.

- Nhu cầu của thị trường lao động đa dạng không chỉ về cơ cấu ngành nghề, trình độ mà còn về tiêu chuẩn chất lượng nhân lực, có thể được lý giải bởi các nguyên nhân sau đây :

Thứ nhất, mặc dù một số cơ sở sản xuất kinh doanh trong những lĩnh vực kinh tế có mức độ hội



nhập quốc tế cao có nhu cầu sử dụng một bộ phận nhân lực chất lượng cao, kể cả nguồn nhân lực đạt chuẩn khu vực, quốc tế, nhưng nói chung trình độ phát triển kinh tế xã hội nước ta còn thấp, do đó chủ yếu sử dụng nguồn nhân lực được trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp với trình độ phát triển của mình.

Thứ hai, với năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn hạn chế, phần lớn các cơ sở sử dụng lao động ở nước ta chưa đủ khả năng chi trả cho việc sử dụng rộng rãi nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ ba, với mức thu nhập bình quân còn khá thấp hiện nay, phần lớn các gia đình ở nước ta chưa có điều kiện đầu tư cho con em theo học các chương trình đào tạo chất lượng cao, nhất là các chương trình có yếu tố quốc tế.

Như vậy, việc phân hóa nguồn nhân lực theo chất lượng đào tạo là một đòi hỏi của thực tế khách quan. Trong hoàn cảnh hiện nay, giáo dục đại học nước ta nên chia chất lượng đào tạo theo các cấp độ: chuẩn quốc gia, chuẩn ASEAN, chuẩn quốc tế.

Chuẩn quốc gia có thể xác định theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành theo hướng: nguồn nhân lực đạt chuẩn quốc gia cần đáp ứng các yêu cầu phổ biến của kinh tế xã hội đất nước.

Chuẩn ASEAN (tương ứng, chuẩn quốc tế) tương đương tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Mạng lưới đại học ASEAN (tương ứng, các Hiệp hội đại học ở các nước phát triển).

Hiện nay, chất lượng giáo dục đại học đại trà ở nước ta còn thấp, số chương trình và cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc gia chưa nhiều, một số chương trình đào tạo chất lượng cao ở các trường đại học có uy tín được đánh giá tương đương chuẩn ASEAN và một số chương trình đào tạo tài năng, tiên tiến hoặc liên kết quốc tế được đánh giá ngang tầm chuẩn quốc tế. Trong tương lai, theo yêu cầu kinh tế xã hội ngày một phát triển và hội nhập quốc tế, chất lượng giáo dục đại học đại trà cần sớm đạt chuẩn quốc gia, còn chuẩn quốc gia từng bước vươn lên tiếp cận chuẩn ASEAN và quốc tế. Khi đó đất nước ta sẽ có một nền giáo dục đại học tiến tiến, hiện đại ngang tầm quốc tế.

- Quan điểm "đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội" cũng được quán triệt trong chính sách đầu tư cho giáo dục đại học theo nguyên tắc: Ngân sách Nhà nước đảm bảo nhu cầu của Nhà nước, nhu cầu chung của xã hội và thực hiện công bằng xã hội, cụ thể tập trung hỗ trợ các chương trình đào tạo đại trà, đào tạo nhân tài, đào tạo sư phạm và các ngành văn hóa truyền thống, sinh viên thuộc các gia đình chính sách và các gia đình nghèo... Đối

với các chương trình chất lượng cao, các dịch vụ bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người học thì người học phải tự trang trải chi phí.

- Quan điểm "đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội" có thể được vận dụng để xác định giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Những năm qua, ngành Giáo dục đã xác định được thách thức lớn nhất của giáo dục đại học nước ta là chất lượng đào tạo, nhưng lại tập trung tìm kiếm giải pháp tháo gỡ trong chính khâu đào tạo, cụ thể là tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và công tác quản lý. Các giải pháp này trong giai đoạn đầu đã góp phần cải thiện chất lượng đào tạo, nhưng khi áp dụng triệt để sẽ khó khăn không hóa giải được: việc đầu tư đủ mức cho các điều kiện đảm bảo chất lượng vượt quá xa khả năng đáp ứng của ngân sách Nhà nước cũng như khả năng đóng góp của người học; việc trả lương và thu học phí mang nặng tính bình quân như hiện nay không khuyến khích người học và cơ sở đào tạo đầu tư cho mục tiêu chất lượng. Hơn nữa, người học không thể chấp nhận đóng học phí cao trong khi mức thu nhập sau khi tốt nghiệp lại quá thấp, không đủ bù đắp cho chi phí học tập đã đầu tư. Chúng ta phải xác định giải pháp đột phá cho thách thức này trong khâu sử dụng nhân lực, bởi vì nhu cầu xã hội chi phối quy trình và chất lượng đào tạo. Cùng với sự phát triển và hội nhập quốc tế mạnh mẽ của kinh tế xã hội đất nước, sự tranh đua nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh đang làm tăng nhanh nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao và các cơ sở sử dụng nhân lực sẵn sàng trả lương cao để thu hút nguồn nhân lực này. Đây là tiền đề thuận lợi để thực thi chính sách trả lương theo chất lượng nhân lực, kéo theo chính sách thu học phí theo chất lượng đào tạo. Các chính sách này tạo động lực khuyến khích người học đầu tư theo học các chương trình đào tạo chất lượng cao, từ đó tạo động lực thúc đẩy các cơ sở đào tạo đầu tư phát triển các chương trình đào tạo này. Đây chính là giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

SUMMARY

This article discusses some ideas about Vietnam's education philosophy in the "doi moi" era. The author addresses the issues of democracy and equity in education; human, scientific, modern, national and popular character of education; great ideas about what to learn, how, for what as gained from the past history and to be put as the major principle of modern Vietnam's education ...